

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
VỀ CÔNG KHAI TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC
VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH THANH HÓA
Năm học: 2025 – 2026

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Tên cơ sở giáo dục:

Tên tiếng Việt: Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa (viết tắt: ĐVTDT)

Tên tiếng Anh: Thanh Hoa University of Culture, Sports and Tourism (viết tắt: TUCST); Mã trường: DVD.

2. Loại hình của cơ sở giáo dục: Công lập

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 561, đường Quang Trung, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa

Điện thoại: + (84) 2373 953 388 + (84) 2373 857 421

Website: <https://tucst.edu.vn>

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục:

Sứ mệnh: Trường có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và nghiên cứu khoa học lĩnh vực KHXXH, với 3 trụ cột chính là Văn hóa - Nghệ thuật, Thể thao và Du lịch; phục vụ cộng đồng góp phần vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa, khu vực Nam Sông Hồng - Bắc Trung Bộ và cả nước.

Tầm nhìn: Đến năm 2045, Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa là cơ sở đào tạo và nghiên cứu khoa học lĩnh vực KHXXH có uy tín của khu vực Nam Sông Hồng - Bắc Trung Bộ; đào tạo các lĩnh vực văn hóa - nghệ thuật, thể thao và du lịch nằm trong топ đầu của cả nước.

Mục tiêu: Xây dựng Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa trở thành trung tâm đào tạo và nghiên cứu khoa học về các lĩnh vực Văn hóa - Nghệ thuật, Thể thao và Du lịch của khu vực Nam Sông Hồng - Bắc Trung Bộ và cả nước; từng bước mở rộng quy mô gắn với nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu xã hội, thúc đẩy hợp tác trong nước và quốc tế.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục:

Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa là trường đại học công lập nằm trong hệ thống giáo dục quốc dân, chịu sự quản lý của Ủy ban nhân dân Tỉnh Thanh Hóa và quản lý chuyên môn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa tiền thân là Trường Văn hóa Nghệ thuật đào tạo cán bộ nghiệp vụ văn hoá nghệ thuật cho tỉnh Thanh Hóa trở thành một trường Đại học

đa ngành có nhiệm vụ đào tạo trình độ đại học lĩnh vực văn hóa - nghệ thuật, thể thao và du lịch cho vùng Bắc Trung Bộ và Nam sông Hồng.

- Ngày 09/3/1967 Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh Thanh Hóa ký quyết định thành lập trường Sơ cấp Văn hóa – Nghệ thuật thuộc Ty Văn hóa – Thông tin tỉnh Thanh Hóa. Các khóa đào tạo về các bộ môn kịch, chèo, tuồng, cải lương, thông tin cổ động tổng hợp, ca múa nhạc, kẻ vẽ thông tin cổ động của Trường đã cung cấp một lực lượng cán bộ văn hoá thông tin phục vụ đắc lực cho công cuộc xây dựng và bảo vệ miền Bắc, đấu tranh giải phóng miền Nam.

- Ngày 05/10/1978, Bộ trưởng Bộ Đại học và Trung học Chuyên nghiệp (nay là Bộ Giáo dục và Đào tạo) ký Quyết định số: 918/THCN-TC nâng cấp Trường Sơ cấp Văn hóa Nghệ thuật thành Trường Trung học Văn hóa Nghệ thuật trực thuộc Sở Văn hóa – Thông tin Thanh Hóa.

- Ngày 25/8/2004, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ký Quyết định số: 4765/QĐ-BGD&ĐT-TCCB về việc thành lập Trường Cao đẳng Văn hóa - Nghệ thuật Thanh Hóa trên cơ sở nâng cấp trường Trung học Văn hoá Nghệ thuật Thanh Hóa.

- Ngày 22/7/2011, Phó Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Thiện Nhân đã ký Quyết định số:1221/QĐ-TTg về việc thành lập Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa (trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật Thanh Hóa).

Với bề dày truyền thống gần 60 năm xây dựng và phát triển, Nhà trường đã đạt được nhiều thành tích và có nhiều đóng góp quan trọng cho sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo: HSSV Nhà trường liên tục đạt giải cao tại các hội thi tiếng hát HSSV các trường chuyên nghiệp, các trường văn hoá nghệ thuật toàn quốc, giọng hát hay trên sóng truyền hình, giải Sao Mai toàn quốc; hội thi, triển lãm mỹ thuật cấp tỉnh, khu vực và quốc tế; giành nhiều huy chương tại các giải thể thao trong Đại hội thể thao toàn quốc, Đại hội thể thao Đông Nam Á - SEA Games, giải vô địch Pencak Silat Thế giới... Gần đây nhất, đoạt cúp vô địch quốc gia và quốc tế giải Bóng đá Thanh niên sinh viên 2025 - cúp THACO,... Nhiều công trình nghiên cứu khoa học đã được ghi nhận và đánh giá cao. Chất lượng quản lý đào tạo ngày được tăng cường tương xứng với vị thế phát triển của Nhà trường và yêu cầu của xã hội.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn:

PGS.TS. Lê Thanh Hà – Phó Bí thư Đảng ủy, Hiệu trưởng.

Địa chỉ: Số 561, đường Quang Trung, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa.

Điện thoại: +(84) 2373 953 388 +(84) 2373 857 421

Địa chỉ thư điện tử: lethanhha@dvttdt.edu.vn

7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập, sáp nhập, cho phép hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục

Quyết định số:1221/QĐ-TTg ngày 22/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa (trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Văn hóa, Nghệ thuật Thanh Hóa).

Quyết định số: 2475/QĐ-UBND ngày 28/6/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt số lượng, danh sách cán bộ, giáo viên, viên chức, người lao động, học sinh của Trường Cao đẳng Thể dục, Thể thao chuyển giao cho Trường Đại

học Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu Thể dục thể thao trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Nghị quyết số: 08/NQ-HĐT ngày 28/02/2025 về việc thông qua Đề án sắp xếp, tổ chức lại một số đơn vị thuộc Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường

Quyết định số:4579/QĐ-UBND ngày 15/11/2021 về việc công nhận Hội đồng trường, Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa, nhiệm kỳ 2021 -2026.

Quyết định số:4589/QĐ-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2021 về việc công nhận Chủ tịch Hội đồng trường, Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Danh sách Hội đồng trường Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa, nhiệm kỳ 2021 - 2026 gồm các thành viên sau:

TT	Họ và tên	Đơn vị, chức vụ, chức danh trong Hội đồng trường
1.	Vũ Văn Tuyến	Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng trường
2.	Lê Thanh Hà	Phó Bí thư Đảng ủy, Hiệu trưởng
3.	Phạm Thị Phụng	UVBTV, Trưởng phòng TCCB
4.	Nguyễn Thị Thục	UVBCH, Phó Hiệu trưởng
5.	Hoàng Bá Khải	Trưởng phòng Thanh tra – Khảo thí&ĐBCLGD
6.	Nguyễn Thị Hồng	UVBCH, Chủ tịch Công Đoàn Trường
7.	Trần Việt Anh	Trưởng khoa Mĩ thuật
8.	Lê Đình Rực	UVBCH, Trưởng phòng Kế hoạch tài chính
9.	Hoàng Đình Hiền	Phó trưởng Khoa Du lịch
10.	Vì Minh Huy	Phó trưởng Khoa Âm nhạc
11.	Hà Đình Hùng	UVBCH, Trưởng phòng Quản lý Khoa học- Hợp tác Quốc tế
12.	Nguyễn Đình Nghĩa	Thư ký, Phó phòng Thanh tra– Khảo thí&ĐBCLGD
13.	Trần Duy Bình	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thanh Hóa
14.	Mai Công Hoàng	Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh Thanh Hóa
15.	Nguyễn Giang Nam	Bí thư Đảng ủy xã Thắng Lợi
16.	Vương Thị Hải Yến	Phó Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Thanh Hóa
17.	Bùi Thị Thanh	Phó Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Thanh Hóa
18.	Nguyễn Thị Liên	Giám đốc Công ty cổ phần Dạ Lan Thanh Hóa
19.	Nguyễn Thị Hòa	Sinh viên Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng của cơ sở giáo dục

Quyết định số:5028/QĐ-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2021 về việc công nhận giữ chức vụ Hiệu trưởng Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa, nhiệm kỳ 2021-2026.

Nghị quyết số:18/NQ-HĐT ngày 12 tháng 5 năm 2022 của Chủ tịch Hội đồng Trường về việc bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.

Nghị quyết số:12/NQ-HĐT ngày 24 tháng 2 năm 2023 của Chủ tịch Hội đồng Trường về việc bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc cơ sở giáo dục

Nghị quyết số: 09/NQ-HĐT ngày 18/9/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.

đ) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc Trường

Quyết định số:704/QĐ-DVTDĐT ngày 31/05/2022 về việc giải thể phòng Hợp tác Quốc tế, Quyết định về việc đổi tên Phòng Quản lý khoa học thành phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác Quốc tế.

Quyết định số: 711/QĐ-ĐVTDĐT ngày 04/05/2024 về việc điều chuyển Bộ môn và đổi tên Khoa Ngoại ngữ thành Khoa Ngoại ngữ - Tin học.

Quyết định số:709/QĐ-ĐVTDĐT ngày 04/05/2024 về việc đổi tên Trung tâm TVTS>VL thành Phòng Truyền thông và Tuyển sinh.

Quyết định số:11/NQ-HĐT ngày 28/02/2025 về việc thành lập Phòng Thanh tra – Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục thuộc Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.

Quyết định số: 12/NQ-HĐT ngày 28/02/2025 về việc thành lập Phòng Đào tạo thuộc Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.

Quyết định số : 13/NQ-HĐT ngày 28/02/2025 về việc thành lập Trung tâm Công nghệ thông tin – Ngoại ngữ thuộc Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.

Quyết định số: 14/NQ-HĐT ngày 28/02/2025 về việc thành lập Phòng Hành chính – Quản trị thuộc Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Điện thoại	Email
1	Vũ Văn Tuyền	Chủ tịch Hội đồng trường	0973090753	Vuvantuyen@dvttdt.edu.vn
2	Lê Thanh Hà	Hiệu trưởng	0915201177	Lethanhha@dvttdt.edu.vn
3	Nguyễn Thị Thục	Phó Hiệu trưởng	0969443388	Nguyenthithuc@dvttdt.edu.vn
4	Đồng Hương Lan	Phó Hiệu trưởng	0912766519	Donghuonglan@dvttdt.edu.vn

Quyết định số: 318/QĐ-ĐVTDĐT ngày 07/3/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa về việc phân công nhiệm vụ Ban Giám hiệu.

8. Các văn bản khác:

- Chiến lược phát triển Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Nghị quyết số: 13/NQ-HĐT ngày 18/04/2022 về việc Ban hành Quy chế dân chủ trong hoạt động của trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.

- Nghị quyết số: 03/NQ/HĐT ngày 10/01/2024 thông qua Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2024 của Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.

- Kế hoạch số: 1453/KH-ĐVTDĐT ngày 28/08/2024 về việc triển khai thực hiện chiến lược Quốc gia về thu hút, trọng dụng nhân tài đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

II. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Các chỉ số đánh giá về giảng viên toàn thời gian

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Tỉ lệ người học quy đổi trên giảng viên	22,53%	20,07%
2	Tỉ lệ giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động	99,56%	97,7%
3	Tỉ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ	27,56%	26,78%

2. Thống kê giảng viên toàn thời gian trong các lĩnh vực đào tạo

	ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN	Số lượng	Trình độ			Chức danh	
			Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS	GS
1	Giảng viên toàn thời gian	224	1	161	57	5	
1.1	Nhân văn	49		21	25	3	
1.2	Kinh doanh và quản lý	23		10	12	1	
1.3	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	59		49	9	1	
1.4	Pháp luật	11		10	1		
1.5	Nghệ thuật	15	1	12	2		
1.6	Báo chí và thông tin	29		26	3		
1.7	Khoa học xã hội và hành vi	4		3	1		
1.8	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân	30		26	4		
1.9	Dịch vụ xã hội	4		4			
2	Số giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động	224	1	161	57	5	
2.1	Nhân văn	49		21	25	3	
2.2	Kinh doanh và quản lý	23		10	12	1	
2.3	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	59		49	9	1	
2.4	Pháp luật	11		10	1		

2.5	Nghệ thuật	15	1	12	2		
2.6	Báo chí và thông tin	29		26	3		
2.7	Khoa học xã hội và hành vi	4		3	1		
2.8	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân	30		26	4		
2.9	Dịch vụ xã hội	4		4			

3. Thống kê đội ngũ cán bộ quản lý, nhân viên khối hành chính và hỗ trợ :

TT	Chỉ số	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Số cán bộ quản lý khối hành chính và hỗ trợ	05	05
2	Số nhân viên khối hành chính và hỗ trợ	37	37
3	Tỷ lệ cán bộ quản lý, nhân viên khối hành chính và hỗ trợ trên tổng số giảng viên toàn thời gian	18,75%	18,18%

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Các chỉ số đánh giá về cơ sở vật chất

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
1.	Diện tích đất/người học (m ²)	12.8 (m ²)	16.9 (m ²)
2.	Diện tích sàn/người học (m ²)	5.9 (m ²)	7.8 (m ²)
3.	Tỉ lệ giảng viên có chỗ làm việc riêng biệt	0%	0%
4.	Số đầu sách/ngành đào tạo	400	397
5.	Số bản sách/người học	7.6	7.8
6.	Tỉ lệ học phần sẵn sàng giảng dạy trực tuyến		
7.	Tốc độ Internet/1.000 người học (Mbps)	50	50

2. Diện tích đất và diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo

TT	Địa điểm	Địa chỉ	Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn (m ²)
1	Trụ sở chính	Số 561 Quang Trung, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa	70.595	32.574
Tổng cộng			70.595	32.574

3. Các hạng mục cơ sở vật chất được đầu tư mới trong năm

TT	Hạng mục đầu tư	Địa điểm	Kinh phí (Triệu đồng)
1.	Xây mới Bồn hoa, đài phun nước trước nhà Thực hành Du lịch	Số 561 Quang Trung, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa	451,997
2.	Nâng cấp Mái sảnh nhà Hiệu bộ		427,868
3.	Nâng cấp phòng Khách nhà Hiệu bộ		114,784
4.	Nâng cấp nhà thực hành du lịch		183,523
Tổng cộng			1.178,172

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kiểm định cơ sở giáo dục

- Tên đơn vị tổ chức kiểm định:

Tên tiếng Việt: Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh;
Tên viết tắt: KĐCLGD-ĐHV

Tên tiếng Anh: Vinh University - Center for Education Quality Assessment;
Tên viết tắt: VU-CEA

- Tiêu chuẩn kiểm định được áp dụng: Bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng Việt Nam theo Thông tư số : 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ Trưởng Bộ GD&ĐT ban hành

- Mức độ được áp dụng:

Điểm trung bình các lĩnh vực:

+ Đảm bảo chất lượng về chiến lược: 3.81

+ Đảm bảo chất lượng về hệ thống: 3.78

+ Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng: 3.82

+ Về kết quả hoạt động: 3.83

- Thời gian hiệu lực: từ ngày 15/4/2022 đến ngày 15/4/2027

2. Danh mục chương trình đào tạo được kiểm định

T T	Mã ngành	Tên ngành	Tên chương trình	Tên tổ chức kiểm định	Thời gian hiệu lực
1.	7310205	ĐH Quản lý Nhà nước	Quản lý Nhà nước	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh	27/2/2023
2.	7140221	ĐH Sư phạm Âm nhạc	Sư phạm Âm nhạc		27/2/2023
3.	7140222	ĐH Sư phạm Mỹ thuật	Sư phạm Mỹ thuật		27/2/2023
4.	7140201	ĐH Giáo dục mầm non	Giáo dục mầm non		27/2/2023
5.	7380101	ĐH Luật	Luật		04/3/2024
6.	7220201	ĐH Ngôn ngữ Anh	Ngôn ngữ Anh		04/3/2024
7.	7810201	ĐH Quản trị Khách sạn	Quản trị Khách sạn		04/3/2024
8.	7210205	ĐH Thanh nhạc	Thanh nhạc		04/3/2024
9.	7810101	ĐH Du lịch	Du lịch		12/8/2024
10.	7810103	ĐH Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành	Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành		12/8/2024
11.	7810301	ĐH Quản lý Thể dục thể thao	Quản lý Thể dục thể thao		12/8/2024
12.	7320201	ĐH Thông tin – Thư viện	Thông tin – Thư viện		12/8/2024
13.	7229042	ĐH Quản lý Văn hóa	Quản lý Văn hóa		08/10/2025
14.	7760101	ĐH Công tác Xã hội	Công tác Xã hội		08/10/2025
15.	8229043	Thạc sĩ Quản lý Văn hóa	Quản lý Văn hóa		08/10/2025

V. KẾT QUẢ TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO

1. Các chỉ số đánh giá về tuyển sinh và đào tạo

TT	CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ	Năm 2025	Năm 2024
1	Tỉ lệ nhập học trung bình 3 năm	111,7%	103.29%
2	Tỉ số tăng giảm quy mô đào tạo 3 năm	102%	16.5%
3	Tỉ lệ thôi học	6,61%	6,73%
4	Tỉ lệ thôi học năm đầu	4,05%	2,63%
5	Tỉ lệ tốt nghiệp	84,9%	83,8%
6	Tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn	84,3%	83,1%
7	Tỉ lệ người học hài lòng với giảng viên	86,5%	86,1%
8	Tỉ lệ người tốt nghiệp hài lòng tổng thể	76,8%	76,4%
9	Tỉ lệ người tốt nghiệp có việc làm đúng chuyên môn	73,8%	74,1%

2. Quy mô đào tạo, tuyển mới và tốt nghiệp trong năm

TT	Số lượng người học	Đang học	Tuyển mới	Tốt nghiệp	Tỷ lệ việc làm
I	Đại học	5490	2452	1569	
1	Hệ chính quy	3146	1204	850	
1.1	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	988	209	329	83.56%
1.2	Nghệ thuật	126	36	7	100%
1.3	Nhân văn	697	364	277	87.36%
1.4	Khoa học xã hội và hành vi	54	10	32	91.12%
1.5	Báo chí và thông tin	556	287	46	84.91%
1.6	Pháp luật	254	137	89	83,33%
1.7	Dịch vụ xã hội	65	31	26	86.27%
1.8	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân	406	130	44	84.36%
2	Hệ vừa làm vừa học	2344	1248	719	
2.1	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	1308	650	563	99.25%
2.2	Nhân văn	131	94	13	100%
2.3	Báo chí và thông tin	791	455	108	100%
3.4	Pháp luật	114	49	35	100%
II	Thạc sĩ	138	75	63	
1	Nhân văn	69	45	24	100%
2	Kinh doanh và quản lý	69	30	39	100%
III	Tiến sĩ	13	4	0	
1	Nhân văn	13	4	0	100%

VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Các chỉ số đánh giá về hoạt động khoa học và công nghệ

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Tỉ trọng thu KHCN	0%	0%
2	Số công bố khoa học/giảng viên	134	290
3	Số công bố WOS, Scopus/giảng viên	02	03

2. Các đề tài nghiên cứu khoa học thực hiện trong năm

TT	Đề tài nghiên cứu khoa học	Số lượng	Kinh phí thực hiện trong năm
1	Đề tài cấp Nhà nước	0	0
2	Đề tài cấp bộ, tỉnh	07	3.284.415.000
3	Đề tài cấp cơ sở	23	488.750.000
4	Đề tài hợp tác doanh nghiệp (trong nước)	0	0
5	Đề tài Hợp tác quốc tế	0	0
	Tổng số	30	3.773.165.000đ

3. Kết quả công bố khoa học ,công nghệ

TT	Công trình công bố	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Tổng số bài báo khoa học được HDGSNN công nhận không nằm trong danh mục WOS, Scopus và bằng độc quyền giải pháp hữu ích	51	88
2	Tổng số công bố WOS, Scopus tất cả các lĩnh vực	02	03
3	Tổng số sách chuyên khảo, số tác phẩm nghệ thuật và thành tích TDTT đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế	65 (3 sách, 62 Giải thể thao)	03
4	Tổng số bằng độc quyền sáng chế	0	0
5	Tổng số bằng độc quyền giải pháp hữu ích	0	0

VII. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Các chỉ số đánh giá về tài chính

TT	Chỉ số đánh giá	Năm 2024	Năm 2023
1	Biên độ hoạt động trung bình 3 năm	14%	16%
2	Các chỉ số tăng trưởng bền vững	8%	8%

2. Kết quả thu chi hoạt động

Đvt: triệu đồng

TT	Chỉ số thống kê	Năm 2024	Năm 2023
A	TỔNG THU HOẠT ĐỘNG	63.673	59.168
I	Hỗ trợ chi thường xuyên từ Nhà nước/nhà đầu tư	19.032	17.817
II	Thu giáo dục và đào tạo	42.078	37.226
1	Học phí, lệ phí từ người học	37.532	33.663
2	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN	4.546	3.563
3	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài		
4	Thu khác		
III	Thu khoa học và công nghệ	2.171	3.704
1	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN	2.171	3.704
2	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài		
3	Thu khác		
IV	Thu khác (Thu nhập ròng)	383	421
B	TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG	52.946	51.773
I	Chi lương, hợp đồng	26.761	23.736
1	Chi lương, thu nhập của giảng viên	17.981	16.281
2	Chi lương, thu nhập cho cán bộ khác	8.780	7.455
II	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ	22.732	24.817
1	Chi cho đào tạo	17.484	18.309
2	Chi cho nghiên cứu	2.959	4.479
3	Chi cho phát triển đội ngũ	884	854
4	Chi phí chung và chi khác	1.405	1.176
III	Chi hỗ trợ người học	1.153	1.056
1	Chi học bổng và hỗ trợ học tập	984	683
2	Chi hoạt động nghiên cứu	77	88
3	Chi hoạt động khác	92	285
IV	Chi khác	2.300	2.164
C	CHÊNH LỆCH THU CHI	10.727	7.395

Nơi nhận:

- Bộ GDĐT;
- CTHĐT, BGH;
- Website Trường;
- Lưu: VT.

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Thục